

2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 35/CP ngày 14 tháng 6 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về dân quân tự vệ và Nghị định số 46/2000/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2000 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/CP ngày 14 tháng 6 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về dân quân tự vệ.

Điều 33. Tổ chức thi hành

Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ, chính sách cho cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ theo Pháp lệnh Dân quân tự vệ và quy định của Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THÔNG TƯ liên tịch số 101/2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29/10/2004 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 35/2002/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/4/2002 hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Để thống nhất công tác quản lý tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước,

liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 35/2002/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/4/2002 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) như sau:

1. Sửa đổi điểm 2 Phần I như sau:

“2. Kinh phí thực hiện các Chương trình được cân đối vào dự toán chi ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

Việc quản lý, thanh toán quyết toán kinh phí của các Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và quy định tại Thông tư này”.

2. Sửa đổi điểm 2 Phần II như sau:

“2. Lập dự toán kinh phí năm:

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ của các Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí năm sau của từng Chương trình gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước của các Chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Bộ Tài chính giao trực tiếp dự toán chi ngân sách cho Ban chủ nhiệm các Chương trình, cùng với việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định.

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách năm được giao, Ban Chủ nhiệm Chương trình

lập phương án phân bổ theo từng đề tài, dự án và phân hoạt động chung của Chương trình theo bốn nhóm mục chi theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Ban Chủ nhiệm Chương trình có quyết định thông báo kinh phí, chi tiết theo các nhóm mục chi cho các Chủ nhiệm đề tài (đối với các đề tài không có đơn vị chủ trì), cho các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án (đối với các đề tài, dự án có đơn vị chủ trì), cho Văn phòng Chương trình (đối với kinh phí chi hoạt động chung của Chương trình); đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện”.

3. Sửa đổi điểm 3 Phần II như sau:

“3. Thực hiện rút dự toán chi ngân sách nhà nước, cụ thể:

3.1. Đối với các đề tài, dự án có đơn vị chủ trì, Ban Chủ nhiệm Chương trình rút dự toán (theo hình thức tạm ứng) chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước của các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản tiền gửi có trách nhiệm kiểm soát chi tiêu, cụ thể:

- Căn cứ vào hợp đồng ký giữa Ban chủ nhiệm Chương trình và tiến độ thực hiện đề tài, dự án, Ban Chủ nhiệm Chương

trình làm giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng), chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước của các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

- Thanh toán tạm ứng: Hàng quý, đơn vị thực hiện đề tài, dự án báo cáo tình hình thực hiện đề tài, dự án có xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản tiền gửi cho Ban Chủ nhiệm Chương trình để kiểm tra xác nhận và làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán tại Kho bạc nhà nước nơi Ban chủ nhiệm Chương trình mở tài khoản giao dịch.

3.2. Đối với đề tài, dự án không có đơn vị chủ trì, Ban Chủ nhiệm Chương trình rút kinh phí từ tài khoản dự toán của Chương trình, để thanh toán cho các Chủ nhiệm đề tài theo hợp đồng đã ký giữa Chủ nhiệm đề tài với Ban Chủ nhiệm Chương trình. Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi thực hiện theo quy định chung hiện hành.

3.3. Đối với các hoạt động chung của Chương trình: Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện rút dự toán, chịu sự kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước theo quy định chung hiện hành.

3.4. Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch:

Căn cứ vào quyết định thông báo kinh phí của Ban Chủ nhiệm Chương trình cho các đơn vị, chủ nhiệm đề tài, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 của Bộ Tài chính và các quy định cụ thể tại

Thông tư này; thực hiện việc xác nhận chi tiêu và thanh toán chi trả kịp thời cho các đơn vị thực hiện đề tài, dự án theo quy định.

3.5. Kinh phí các Chương trình phản ánh theo chương loại khoản:

+ Chương 017 “Bộ Khoa học và Công nghệ”.

+ Loại 11 “Hoạt động khoa học và công nghệ”.

+ Khoản:

- Khoản 01: “Nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và phát triển khoa học tự nhiên”, áp dụng cho các Chương trình khoa học công nghệ.

- Khoản 02: “Nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và phát triển khoa học xã hội”, áp dụng cho các Chương trình khoa học xã hội.

Riêng các Chương trình thực hiện ở các cơ quan Quốc phòng, An ninh và Cơ quan Đảng được thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính đối với Quốc phòng, An ninh, Cơ quan Đảng”.

4. ĐIỂM 5 PHẦN II, SỬA ĐỔI NỘI DUNG:

“Việc xét duyệt, thông báo quyết toán cho các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án và Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2000/TT-BTC ngày 16/3/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp” như sau: “Việc xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán cho các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án và Chương trình thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 10/2004/TT-BTC ngày 19/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và ngân sách các cấp”.

Khi kết thúc Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm tổng hợp và lập báo cáo tổng quyết toán của toàn bộ Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định khác về công tác quản lý tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước, thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 35/2002/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/4/2002 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ để sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Huỳnh Thị Nhân

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Thứ trưởng

Bùi Mạnh Hải

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH**

**Thông tư liên tịch số 13/2004/
TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày
02/11/2004 hướng dẫn về trách
nhiệm đóng góp và chế độ trợ
cấp đối với người bán dâm,
người nghiện ma túy.**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 56/2002/NĐ-CP ngày 15/5/2002 của Chính phủ về tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Bộ Y tế tại Công văn số 7228/YT-PC ngày 27 tháng 9 năm 2004, liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn về trách nhiệm đóng góp và trợ cấp đối với người bán dâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Trung tâm) và tại gia đình, cộng đồng như sau: